



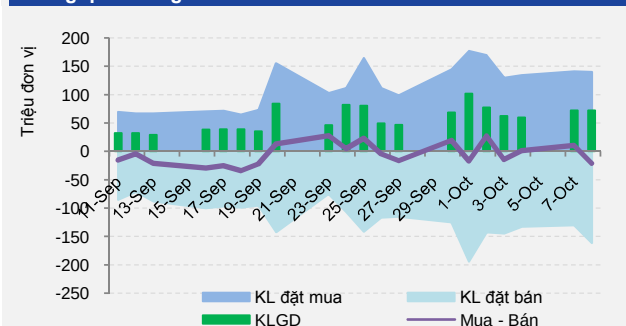
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 8/10/2013

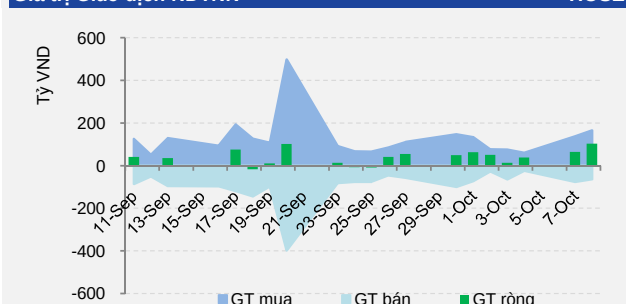
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	502.2	61.2
% Thay đổi	↑ 0.3%	↓ -0.3%
KLGD (CP)	72,184,855	44,287,488
GTGD (tỷ đồng)	1,131.07	374.09
Tổng cung (CP)	160,987,030	69,302,100
Tổng cầu (CP)	140,115,170	63,821,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,776,920	1,545,709
KL mua (CP)	5,887,370	232,800
GTmua (tỷ đồng)	166.00	3.02
GT bán (tỷ đồng)	63.19	7.33
GT ròng (tỷ đồng)	102.81	(4.31)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.33%	7.5	1.6	3.8%
Công nghiệp	↑ 0.18%	727.5	1.1	17.1%
Dầu khí	↑ 0.47%	7.5	1.6	1.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.88%	13.5	1.9	2.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 1.42%	8.7	2.9	1.2%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.38%	14.6	4.9	11.6%
Ngân hàng	↑ 0.87%	7.1	1.3	13.6%
Nguyên vật liệu	↑ 0.02%	9.2	2.0	9.6%
Tài chính	↑ 0.05%	16.5	2.4	32.5%
Tiền tệ Cộng đồng	↓ -0.03%	9.7	3.5	7.0%
VN - Index	↑ 0.35%	13.1	3.0	75.2%
HNX - Index	↓ -0.26%	35.2	1.5	24.8%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	399,060	0.6%	592,090	0.8%
GTGD (triệu VND)	9,183	0.8%	12,204	1.1%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: VN-Index tiếp phiên tăng điểm với thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước. Áp lực cung giá cao không nhỏ. Tuy nhiên, lực cầu mua vào đã cải thiện khá mạnh khi VN-Index giảm qua mốc hỗ trợ tâm lý 500 điểm và tăng dần cho đến cuối phiên. Các chỉ báo động lực thị trường như RSI, MACD vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến tăng điểm với ngưỡng cản kỹ thuật gần nhất là khoảng 510-515 điểm. Dòng tiền dự báo tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu kỳ vọng KQKD Q3 tích cực.

Chỉ số HNX-Index giảm điểm nhẹ tại ngưỡng cản của đường MA200. Diễn biến giảm điểm nhẹ sau phiên tăng điểm khá trước đó cho thấy áp lực cung giá cao không nhỏ. Tuy nhiên, các chỉ báo động lực thị trường tiếp tục cho tín hiệu tích cực về dòng tiền. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến tăng điểm với ngưỡng cản kỹ thuật là khoảng 63 điểm.

Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục nhằm phản ứng linh hoạt với diễn biến thị trường tại ngưỡng kháng cự.

- VN-Index tăng 1.75 điểm (0.35%), lên 502.22 điểm, gần mức cao nhất của chỉ số trong phiên.

- HNX-Index giảm 0.16 điểm (0.26%), xuống 61.23 điểm. Chỉ số Index phục hồi nhẹ về cuối phiên, từ mức thấp nhất 60.76 điểm.

- Sáng 8/10, Vietcombank tăng giá mua/bán USD lên 21100/21190 đồng/USD, tăng lần lượt 20 VND và 50 VND ở hai chiều mua bán. Chênh lệch giá mua và bán cũng được nới rộng lên 90 VND/USD, so với mức trung bình khoảng 60 VND/USD. Động thái này chỉ diễn ra tại Vietcombank, nhóm các Ngân hàng khác như Vietinbank, Eximbank, BIDV, ACB... không có biến động về tỷ giá. Đến chiều, VCB điều chỉnh giảm nhẹ giá mua bán USD, xuống 21.090/21.170 VND. Mức giá bán VCB cũng vẫn thấp hơn trần tỷ giá theo quy định của NHNN (hiện là 21246 VND). Tuy nhiên động thái tăng khá mạnh giá bán USD có thể phản ánh nhu cầu mua ngoại tệ của doanh nghiệp nhằm chuẩn bị trước cho thời điểm cuối năm, đặc biệt khi trước đó Thủ tướng Chính phủ đã thông báo khả năng sẽ tiếp tục điều chỉnh tỷ giá.

- Ngân hàng Thế giới vừa ra Báo cáo cập nhật tình hình kinh tế Đông Á - Thái Bình Dương. Đối với Việt Nam, WB nhận định kinh tế vĩ mô Việt Nam đã cải thiện và tương đối ổn định. Tuy nhiên, tốc độ tái cơ cấu diễn ra chậm chạp, kinh tế thế giới phục hồi chậm, sức mua nội tại nền kinh tế yếu khiến tăng trưởng của Việt Nam bị chậm lại. Trước quan điểm thúc đẩy đầu tư công hỗ trợ tăng trưởng của bộ máy điều hành, WB cho rằng Việt Nam vẫn cần phải kiểm soát bội chi nhằm đảm bảo tính bền vững tài khóa trung hạn. Việc nới lỏng chính sách tiền tệ sẽ làm gia tăng quan ngại về chất lượng tín dụng và bất ổn kinh tế vĩ mô. Do vậy, Việt Nam cần tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô và tiếp tục tái cơ cấu theo chiều sâu, trong đó tập trung vào doanh nghiệp nhà nước và ngân hàng. Năm 2013, WB vẫn giữ nguyên dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng vừa phải ở mức 5,3%, và tăng lên 5,4% trong hai năm 2014-2015.

- Vụ Dự báo thống kê tiền tệ (NHNN) vừa hoàn tất cuộc điều tra xu hướng kinh doanh Q4.2013. Theo đó, đa số các TCTD đều kỳ vọng lãi suất có thể giảm thêm khoảng 1% trong các tháng tới. Các TCTD dự báo, huy động vốn và dư nợ tín dụng cả năm 2013 có thể sẽ tăng tới 10-20% và cao hơn so với mức kỳ vọng ở cuộc điều tra lần trước. Các TCTD cam kết sẽ tiếp tục chú trọng cho vay các lĩnh vực ưu tiên trong thời gian tới. Có 50% số TCTD tham gia cuộc điều tra khẳng định đã và sẽ tiếp tục tăng dư nợ cho vay tiêu dùng, 36,6% TCTD đã và sẽ tập trung thúc đẩy cho vay doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, 40% TCTD cho biết đã và dự kiến sẽ cắt giảm tín dụng cho lĩnh vực đầu tư BĐS trong quý III và quý IV.2013.



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX

- VN-Index tăng 1.75 điểm (0.35%), lên 502.22 điểm, gần mức cao nhất của chỉ số trong phiên.

- KLGD tăng 7.9% so với phiên giao dịch trước, đạt 69 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tiếp tục tăng lên mức 68.8 điểm, tiến dần đến mức quá mua, tâm lý tích cực tiếp tục duy trì. Đường MACD vẫn đang nới rộng khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu và tăng lên trên mức 0, cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm.

Nhận định: Thị trường tiếp phiên tăng điểm với thanh khoản tăng nhẹ so với phiên trước. Áp lực cung giá cao không nhỏ. Tuy nhiên, lực cầu mua vào đã cải thiện khá mạnh khi VN-Index giảm qua mốc hỗ trợ tâm lý 500 điểm và tăng dần cho đến cuối phiên. Các chỉ báo động lực thị trường như RSI, MACD vẫn cho tín hiệu về xu hướng tăng điểm. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến tăng điểm với ngưỡng cân kỹ thuật gần nhất là khoảng 510-515 điểm. Dòng tiền dự báo tiếp tục tập trung vào nhóm cổ phiếu kỳ vọng KQKD Q3 tích cực. Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục nhằm phản ứng linh hoạt với diễn biến thị trường tại ngưỡng kháng cự.



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.16 điểm (0.26%), xuống 61.23 điểm. Chỉ số Index cũng có sự phục hồi về cuối phiên, từ mức thấp nhất 60.76 điểm.

- KLGD tăng mạnh 51% so với phiên trước, đạt 37 triệu cổ phiếu, nhờ diễn biến bất đáy cổ phiếu PVX.

- Chỉ số RSI14 giảm nhẹ xuống mức 57.9 điểm, tâm lý thị trường vẫn tích cực.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index giảm điểm nhẹ tại ngưỡng cân của đường MA200. Diễn biến giảm điểm nhẹ sau phiên tăng điểm khá trước đó cho thấy áp lực cung giá cao không nhỏ. Tuy nhiên, các chỉ báo động lực thị trường tiếp tục cho tín hiệu tích cực về dòng tiền. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến tăng điểm với ngưỡng cân kỹ thuật là khoảng 63 điểm.

Nhà đầu tư nên duy trì trạng thái danh mục nhằm phản ứng linh hoạt với diễn biến thị trường tại ngưỡng kháng cự.



TOP CỔ PHIẾU CÓ CHỈ SỐ ROE CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	GAS	2908.61	23.1%	7200.95	54.2%	93.6%	17,051	6,429	10.58	3.99	25.37	41.56
2	VNM	1842.78	22.4%	3373.62	21.5%	54.2%	20,423	7,699	18.18	6.86	32.72	40.48
3	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,679	5,411	3.79	1.31	14.41	38.41
4	VIC	3794.28	597.6%	4058.94	223.1%	54.1%	15,763	4,610	13.88	4.06	7.84	38.34
5	BMC	18.89	-38.5%	42.73	-20.5%	53.4%	19,878	6,085	7.56	2.31	25.86	33.94
6	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.65	1.88	15.92	31.18
7	DRC	110.65	28.2%	188.82	31.1%	60.4%	14,377	4,303	9.6	2.87	13.94	30.65
8	FCN	36.34	52.8%	63.55	29.1%	53.0%	23,827	4,704	3.78	0.75	9.29	29.72
9	BMP	116.06	30.4%	195.86	15.2%	62.2%	30,330	8,438	9.07	2.52	26.16	29.59
10	HSG	185.38	37.7%	413.54	118.7%	103.4%	22,242	6,413	6.21	1.79	10.45	28.92

TOP CỔ PHIẾU CÓ HỆ SỐ P/E THẤP NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	HLA	9.75	-8.4%	10.09	183.7%	29.2%	14,623	2,062	2.62	0.37	2.99	14.34
2	SDT	18.45	-14.9%	36.89	6.3%	60.9%	28,706	4,686	3.24	0.53	5.01	16.73
3	VIP	11.54	-60.2%	123.63	252.7%	104.3%	16,285	2,400	3.25	0.48	7.16	15.41
4	TLH	13.08	-30.4%	136.72	294.2%	135.1%	12,201	2,237	3.49	0.64	7.45	16.48
5	SD9	14.17	-16.9%	18.48	-29.6%	37.9%	18,994	2,171	3.69	0.42	2.83	11.76
6	FCN	36.34	52.8%	63.55	29.1%	53.0%	23,827	4,704	3.78	0.75	9.29	29.72
7	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,679	5,411	3.79	1.31	14.41	38.41
8	AAA	13.14	23.7%	30.35	17.0%	73.6%	26,142	3,868	4.01	0.59	6.90	12.23
9	AVF	3.32	-17.8%	13.69	-25.4%	45.6%	16,195	1,647	4.13	0.42	2.65	10.00
10	DPR	86.57	-2.0%	157.31	-15.4%	40.7%	50,550	11,444	4.24	0.96	18.24	22.85

CỔ PHIẾU DỰ KIẾN CÓ KQKD Q3 KHẢ QUAN

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	KDC	44.19	589.4%	77.86	998.04%	17.3%	27,673	2,752	19.1	1.90	7.57	10.14
2	CSM	99.95	42.0%	168.58	54.1%	81.7%	19,037	4,668	7.7	1.88	15.92	31.18
3	HPG	511.60	52.8%	968.53	82.69%	80.7%	21,545	3,419	10.6	1.68	7.46	16.46
4	PVD	451.49	58.6%	872.58	31.60%	64.2%	37,118	7,221	9.4	1.82	8.12	21.45
5	DRC	110.65	28.2%	188.82	31.11%	60.4%	14,377	4,303	9.6	2.87	13.94	30.65
6	GAS	2908.61	23.1%	7200.95	54.21%	93.6%	17,051	6,429	10.6	3.99	25.37	41.56
7	REE	528.99	239.4%	639.08	55.31%	98.3%	18,156	3,306	7.9	1.44	14.19	21.49
8	PPC	355.94	467.1%	1299.95	564.97%	387.6%	15,679	5,411	3.8	1.31	14.41	38.41

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

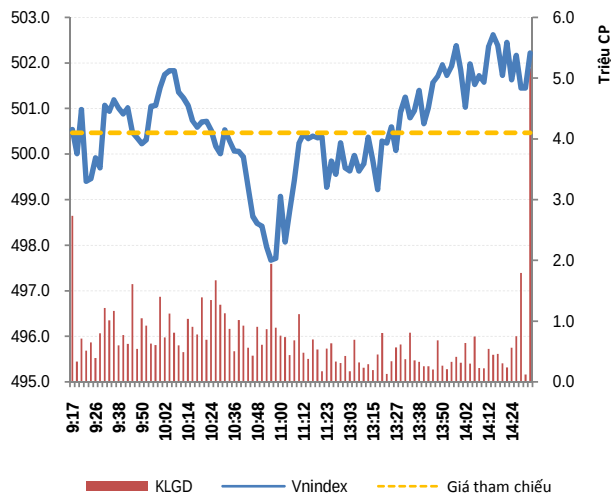
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 08/10/2013.

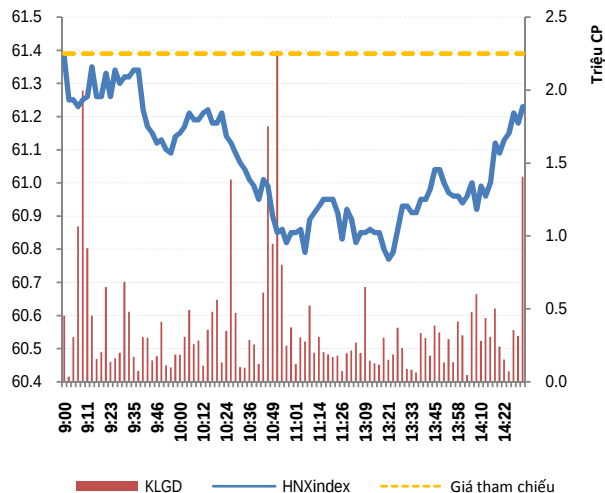
KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên



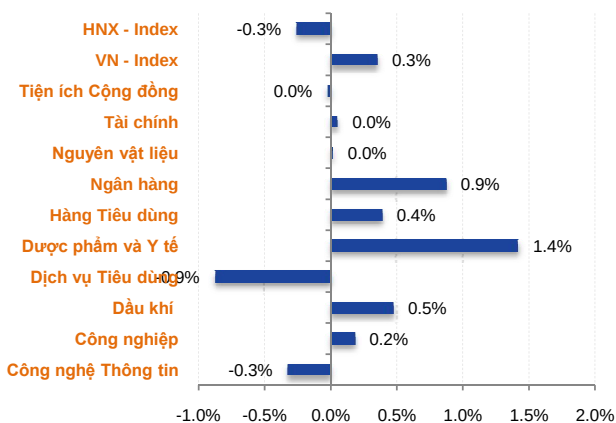
KLGD và VN-Index trong phiên



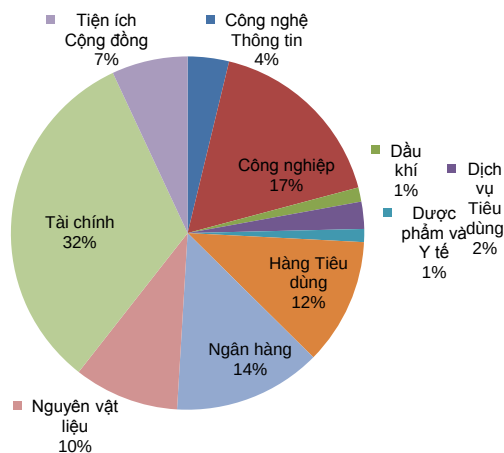
KLGD và HNX-Index trong phiên



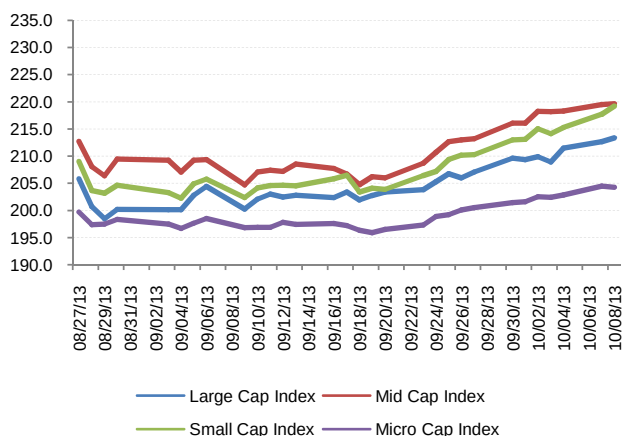
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



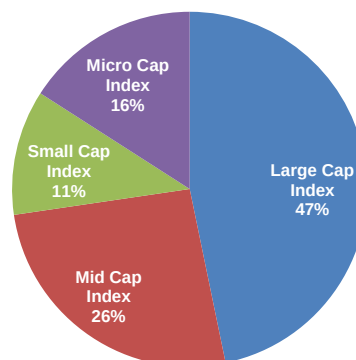
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SSI	1,095,940	STB	112,270
2	HAG	687,860	CII	87,760
3	VCB	466,710	EIB	72,420
4	KBC	319,860	LHG	52,350
5	HPG	274,480	DVP	44,420

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	73,900	PVX	1,012,900
2	VGS	68,000	SD5	217,200
3	HAD	15,100	SHN	110,000
4	DAE	10,500	VCG	63,000
5	STP	8,600	SD9	25,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	16.7	17.0	↑ 1.80%	4,264,360
ITA	6.1	6.0	↓ -1.64%	3,992,900
PVT	9.0	8.7	↓ -3.33%	3,814,140
HAR	6.3	6.5	↑ 3.17%	3,693,490
FLC	5.1	5.1	→ 0.00%	2,717,480

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	2.3	2.1	↓ -6.83%	11,984,776
ACB	15.7	15.6	↓ -0.50%	7,140,956
VCG	8.8	8.8	↓ -0.57%	2,918,813
SHB	6.9	6.8	↓ -1.23%	2,602,824
SCR	5.8	5.8	↓ -0.67%	2,440,735

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DVP	39.3	42.0	2.7	↑ 6.87%
CLG	8.9	9.5	0.6	↑ 6.74%
KMR	3.0	3.2	0.2	↑ 6.67%
NAV	6.0	6.4	0.4	↑ 6.67%
VNE	4.6	4.9	0.3	↑ 6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CCM	9.0	9.9	0.9	↑ 10.00%
VCV	2.0	2.2	0.2	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
FDT	34.2	37.6	3.4	↑ 9.94%
QHD	6.3	6.9	0.6	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	1.0	0.9	-0.1	↓ -10.00%
VFG	44.9	41.8	-3.1	↓ -6.90%
HAX	4.4	4.1	-0.3	↓ -6.82%
AGR	4.5	4.2	-0.3	↓ -6.67%
HAS	4.5	4.2	-0.3	↓ -6.67%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.5	0.4	-0.1	↓ -20.00%
HHL	0.7	0.6	-0.1	↓ -13.00%
TAG	47.0	42.3	-4.7	↓ -10.00%
VBH	18.1	16.3	-1.8	↓ -9.94%
BBS	10.1	9.1	-1.0	↓ -9.90%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	4,264,360	9.0%	1,333	12.8	1.2
ITA	3,992,900	0.3%	31	196.1	0.5
PVT	3,814,140	5.6%	630	13.8	0.7
HAR	3,693,490	4.4%	448	14.5	0.6
FLC	2,717,480	4.3%	661	7.7	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	11,984,776	-67.8%	(4,616)	-	0.5
ACB	7,140,956	0.3%	41	383.2	1.2
VCG	2,918,813	1.3%	150	59.3	0.8
SHB	2,602,824	-2.9%	(335)	-	0.6
SCR	2,440,735	-3.1%	(450)	-	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DVP	↑ 6.9%	32.8%	4,752	8.8	1.3
CLG	↑ 6.7%	9.9%	1,250	7.6	0.8
KMR	↑ 6.7%	1.0%	115	27.9	0.3
NAV	↑ 6.7%	2.7%	325	19.7	0.5
VNE	↑ 6.5%	-1.1%	(122)	-	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CCM	↑ 10.0%	1.8%	455	19.8	0.4
VCV	↑ 10.0%	-95.8%	(5,087)	-	0.7
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	5.1	0.6
FDT	↑ 9.9%	9.1%	1,479	25.4	2.3
QHD	↑ 9.5%	13.4%	1,571	4.4	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	1,095,940	9.0%	1,333	12.8	1.2
HAG	687,860	5.0%	938	23.2	1.2
VCB	466,710	9.9%	1,785	16.2	1.7
KBC	319,860	-10.2%	(1,412)	-	0.7
HPG	274,480	16.5%	3,419	10.6	1.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	73,900	16.4%	2,738	6.0	1.0
VGS	68,000	2.4%	326	15.7	0.4
HAD	15,100	26.7%	8,309	4.8	1.3
DAE	10,500	19.6%	3,210	3.7	0.7
STP	8,600	1.9%	440	16.8	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	128,860	41.6%	6,429	10.6	4.0
VNM	116,687	40.5%	7,699	18.2	6.9
VCB	67,205	9.9%	1,785	16.2	1.7
CTG	65,904	19.2%	2,605	6.8	1.3
MSN	59,584	3.9%	856	98.7	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,376	0.3%	41	383.2	1.2
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	7,281	16.4%	2,738	6.0	1.0
SHB	6,114	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	600	40.0	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TS4	2.79	7.9%	1,504	5.3	0.4
SGT	2.31	-41.0%	(2,320)	-	0.4
CLG	2.22	9.9%	1,250	7.6	0.8
NKG	2.16	-20.2%	(2,085)	-	0.9
PET	1.93	15.1%	2,689	8.1	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	4.01	-123.3%	(3,000)	-	0.7
TTZ	3.81	1.3%	135	25.1	0.3
HDA	3.45	13.8%	1,780	5.1	0.7
PVA	3.42	-108.8%	(6,781)	-	0.6
SCL	3.21	1.0%	125	83.2	0.8



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)